

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày: 15/01/2024

V/v “*Tranh chấp chia tài sản chung
và yêu cầu chia di sản thừa kế*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

Ông Triệu Lát.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp chia tài sản chung và yêu cầu chia di sản thừa kế*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160A/2023/QĐXXST-DS ngày 29/8/2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Tô Hoa D, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số nhà A, ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Chúc L, sinh năm 1980 (văn bản ủy quyền ngày 11/5/2021, có mặt);

Địa chỉ: Số nhà A T, khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lâm Quốc T, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà H, H, Phường C, thành phố B, tỉnh Sóc Trăng.

2. ***Bị đơn:*** Bà Ông Tú T1 (Ong Thị Tú T2), sinh năm 1934; địa chỉ: Số C, đường G, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (theo đơn khởi kiện ghi bà Ong Thị Tú T2, sinh năm 1930; địa chỉ: Số A, ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng), đã chết.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Ông Tú T2 (Ong Thị Tú T2): Bà Ông Thị Tú N, sinh năm 1938 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà B, T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Tô Hoa N1, sinh năm 1968 (vắng mặt);

- Ông Tô Hoa M, sinh năm 1979 (vắng mặt);

- Bà Tô Kim T3, sinh năm 1958 (vắng mặt);

- Bà Tô Kim X, sinh năm 1963 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Số A, ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Bà Lưu Thị H, sinh năm 1958 (vắng mặt);
- Bà Lưu Thị S, sinh năm 1950 (vắng mặt);
- Ông Lưu Thanh L1, sinh năm 1982 (vắng mặt);
- Ông Lưu Thanh T4, sinh năm 1982 (vắng mặt);
- Ông Lưu Thanh N2, sinh năm 1986 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Số nhà B ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Bà Huỳnh Thị Lệ Q, sinh năm 1964 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số C, đường G, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/7/2021 của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu như sau:

Phần đất có diện tích 380m² thuộc thửa 190, tờ bản đồ số 15; tọa lạc tại số nhà A ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có nguồn gốc là cha mẹ của ông Tô Hoa D. Ông Tô H1, bà Lâm Thị L2 là cha mẹ ruột của ông Tô Hoa D sử dụng từ năm 1962; tiếp đó anh, em của ông Tô Hoa D sinh ra và lớn lên đều ở và sử dụng trên thửa đất này. Năm 1997, bà Ong Thị Tú T2 đại diện xin cấp đất cho hộ và đến ngày 24/02/1997 Chủ tịch UBND huyện V cấp phần đất có diện tích là 380m² tại thửa số 190, tờ bản đồ số 15 cho hộ Tô Hoa D đang sử dụng và bà Ong Thị Tú T2. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngoài bà T2, hộ gia đình ông Tô Hoa D sử dụng gồm có mẹ của ông Tô Hoa D là bà Lâm Thị L2 (chết năm 2011) và các anh em ông D gồm: Ông Tô Hoa D, ông Tô Hoa N1, ông Tô Hoa M.

Nay nguyên đơn ông Tô Hoa D yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Chia tài sản chung hộ đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số 15; tọa lạc tại số A ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng bằng giá trị cho 05 thành viên gồm: Bà Lâm Thị L2, ông Tô Hoa N1, ông Tô Hoa M, ông Tô Hoa D và bà Ong Thị Tú T2 mỗi người 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

+ Đối với phần bà Lâm Thị L2 (đã chết năm 2011) nhận 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thì ông Tô Hoa D yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều phần tài sản của bà L2 cho các anh chị em của ông Tô Hoa D gồm: Tô Hoa N1, Tô Hoa M, Tô Hoa D, Tô Kim T3 và Tô Kim X, mỗi người nhận với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Tô Hoa D là ông Lâm Quốc T trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoa D.

- Đối với bị đơn bà Ông Tú T2 (Ong Thị Tú T2): Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Ông Tú T2 chết vào 20/4/2022. Sau đó, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ông Tú T2 là bà Ông Thị Tú N theo quy định của pháp luật. Đồng thời, thông

báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập họp lệ đối với bà Ô Thị Tú N, nhưng bà N vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho bà N biết.

Tại Đơn yêu cầu ngày 23/9/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lệ Q trình bày:

Bà Huỳnh Thị Lệ Q cho rằng thửa 190, tờ bản đồ số 15; tọa lạc tại số nhà A ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là gia đình bà Huỳnh Thị Lệ Q. Gia đình của ông Tô Hoa D không có liên quan đến thửa đất nêu trên. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Hoa D và đình chỉ vụ án.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm ông Tô Hoa N1, ông Tô Hoa M, bà Tô Kim T3, bà Tô Kim X, bà Lưu Thị H, bà Lưu Thị S, ông Lưu Thanh L1, ông Lưu Thanh T4, ông Lưu Thanh N2:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập họp lệ đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên, nhưng vẫn vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên để biết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở phiên tòa và xét xử tại phiên tòa. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được tranh tụng và trình bày quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào: Điều 102 và Điều 212 Bộ luật dân sự 2015; khoản 29 Điều 3 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoa D về việc yêu cầu chia tài sản chung của hộ là thửa đất số 190, tờ bản đồ 15; tọa lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho 5 thành viên gồm Lâm Thị L2, Tô Hoa N1, Tô Hoa M, Tô Hoa D và bà Ong Thị Tú T2 với trị giá bằng tiền mỗi người là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Không chấp nhận đối với yêu cầu chia đều phần tài sản của bà Lâm Thị L2 (mẹ ông Tô Hoa D) đã chết năm 2011 được hưởng là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho các anh, chị, em Tô Hoa D gồm Tô Hoa D, Tô Hoa N1, Tô Hoa M, Tô Kim T3, Tô Kim X mỗi người 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Tô Hoa D khởi kiện về tranh chấp chia tài sản chung của hộ và yêu cầu chia thừa kế (phần di sản của bà Lâm Thị L2 đối với phần tài sản chung sau khi được chia), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là chia di sản thừa kế (đối với thửa đất số 190 nêu trên) là không chính xác. Nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoa D là tranh chấp chia tài sản chung và yêu cầu chia di sản thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoa D yêu cầu bị đơn bà Ông Tú T5 (Ông Thị Tú T2) chia diện tích thửa đất số 190, tờ bản đồ số 15, có diện tích 380m²; tọa lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho các thành viên trong hộ gồm: Bà Lâm Thị L2, Tô Hoa N1, Tô Hoa M, Tô Hoa D và bà Ông Thị Tú T2 bằng giá trị tương ứng mỗi người với số tiền là 100.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì:

[3.1] Thửa đất số 190, tờ bản đồ 15; tọa lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 178057 cấp cho hộ bà Ông Thị Tú T2 ngày 24/02/1997, ông Tô Hoa D cho rằng bà Ông Thị Tú T2 đại diện hộ gia đình đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, qua kiểm tra 02 sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú (từ bút lục số 15 đến số 28) do ông D cung cấp chỉ có các thành viên gia đình của ông Tô Hoa D, không có bà Ông Thị Tú T2.

[3.2] Tại Công văn số: 760/CNVC ngày 16/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V, tỉnh Sóc Trăng xác định:

- Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ông Thị Tú T2 (Ông Tú T2) đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 1993. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có khiếu nại, tranh chấp đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ông Tú T2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 178057 thuộc trường hợp đăng ký lần đầu, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà giai đoạn năm 1991-1998 và bộ thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có quy định phải có hộ khẩu. Đến năm 2008, do bà Ông Tú T5 (Ông Thị Tú T2) bị mất giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V) ban hành Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 27/6/2008 hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 178057 của hộ bà Ong Thị Tú T2 (Ông Tú T2) thuộc thửa đất số 190, tờ bản đồ 15; toạ lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 18/8/2011 bà Ông Tú T2 (Ong Thị Tú T2) được Ủy ban nhân dân thị xã V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ CH00176, số giấy phát hành giấy chứng nhận BĐ 808913, thửa đất số 190, tờ bản đồ 15; toạ lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ông Tú T2 đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2003.

- Ngày 19/8/2019 bà Ông Tú T2 (Ong Thị Tú T2) đã thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 190, tờ bản đồ 15; toạ lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho bà Huỳnh Thị Lệ Q. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Lệ Q thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ngoài lời trình bày của ông Tô Hoa D cho rằng thửa đất số 190, tờ bản đồ 15; toạ lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là có nguồn gốc của gia đình ông D, cho bà Ong Thị Tú T2 (Ông Tú T2) đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông Tô Hoa D không đưa ra được chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, lời trình bày của ông Tô Hoa D không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.4] Mặc khác, theo quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định “Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất”, nhưng ông Tô Hoa D không chứng minh được mối quan hệ giữa ông Tô Hoa D và bà Ông Tú T2 là mối quan hệ gì trong các mối quan hệ được quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Từ những phân tích nhận định trên, xét thấy diện tích 380m² thuộc thửa số 190, tờ bản đồ số 15; toạ lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Ông Tú T5 (Ong Thị Tú T2) và hiện nay thuộc quyền quản lý hợp pháp của bà Huỳnh Thị Lệ Q. Đồng thời, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất I 178057 do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V) cấp hộ bà Ong Thị Tú T2 (Ông Tú T2) thuộc thửa đất số 190, tờ bản đồ 15; toạ lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng hiện nay do Ủy ban nhân dân thị xã V đã ra Quyết định hủy bỏ số 443/QĐ-UBND ngày 27/8/2008 nên không còn giá trị pháp lý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 của Luật Đất đai năm 2013:

[4.1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoa D đối với bị đơn bà Ông Tú T5 (Ong Thị Tú T6) về việc yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 190, tờ bản đồ số 15; toạ lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho 05 thành viên gồm: Bà Lâm Thị L2 (chết năm 2011), ông Tô Hoa D, ông Tô

Hoa N1, ông Tô Hoa M và bà Ong Thị Tú T2 bằng giá trị tương ứng mỗi người với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

[4.2] Đối với yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 190, tờ bản đồ 15; tọa lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho 5 thành viên của gia đình ông Tô Hoa D gồm: Lâm Thị L2, Tô Hoa N1, Tô Hoa M, Tô Hoa D và bà Ong Thị Tú T2 không được chấp nhận, nên yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Lâm Thị L2 đối với phần bà Lâm Thị L2 được hưởng trong tài sản chung cho Tô Hoa N1, Tô Hoa M, Tô Hoa D, Tô Kim T3, Tô Kim X cũng không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoa D không được chấp nhận, nên nguyên đơn ông Tô Hoa D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy, vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoa D. Từ những căn cứ phân tích tại mục [3] nêu trên, xét thấy đề nghị của vị Luật sư là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Xét thấy đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 102, 212 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 29 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013.

- Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoa D về việc yêu cầu chia tài sản chung của hộ là thửa đất số 190, tờ bản đồ 15; tọa lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho 5 thành viên gồm Lâm Thị L2, Tô Hoa N1, Tô Hoa M, Tô Hoa D và bà Ong Thị Tú T2 với trị giá bằng tiền mỗi người là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoa D chia thừa kế phần di sản của bà Lâm Thị L2 (chết năm 2011) được hưởng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) từ việc yêu cầu chia tài sản chung đối với giá trị thửa đất số 190, tờ bản đồ 15; tọa lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho các anh, chị, em Tô Hoa D gồm Tô Hoa D, Tô Hoa N1, Tô Hoa M, Tô Kim T3, Tô Kim X mỗi người 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Tô Hoa D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số

008791 ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Ông Tô Hoa D còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Ông Tú T5 (Ông Thị Tú T6) là bà Ông Thị Tú N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và cho phí trích lục hồ sơ: Số tiền là 7.363.920 đồng (bảy triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng) ông Tô Hoa D phải chịu và đã thanh toán xong.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương